

# Bài học từ Hàn Quốc và một số định hướng phát triển chương trình, học liệu giáo dục dành cho học sinh khuyết tật Việt Nam

Lê Thị Tâm\*<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Kim Hoa<sup>2</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: letamht@gmail.com

<sup>2</sup> Email: hoantk@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

62 Phan Đình Giót, Thanh Xuân,

Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững số 4 (SDG4) trong Chương trình nghị sự Phát triển bền vững toàn cầu năm 2030: Đảm bảo một nền giáo dục hòa nhập, bình đẳng, chất lượng và cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người trong đó có trẻ khuyết tật là một mục tiêu thách thức trong bối cảnh hiện tại. Trong đó, đảm bảo chương trình và học liệu giáo dục phù hợp, đầy đủ là điều kiện quan trọng góp phần thực hiện tốt mục tiêu nói trên. Bài viết đề cập những bài học từ giáo dục đặc biệt của Hàn Quốc đến một số định hướng phát triển chương trình và học liệu giáo dục cho học sinh khuyết tật Việt Nam.

**TỪ KHÓA:** Định hướng, phát triển chương trình giáo dục, học liệu giáo dục, học sinh khuyết tật, Việt Nam.

→ Nhận bài 15/12/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/02/2024 → Duyệt đăng 15/4/2024.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410412>

## 1. Đặt vấn đề

Theo Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật năm 2016, Việt Nam có 2,79 % trẻ em có ít nhất một khuyết tật (trong đương với khoảng trên 663.900.000 trẻ em từ 2 đến 17 tuổi); 5,6 triệu người khuyết tật từ 18 tuổi trở lên [1]. Trong đó, trẻ khuyết tật từ 2 - 4 tuổi chiếm 2,74%; trẻ khuyết tật từ 5 - 17 tuổi chiếm 2,81% tổng số trẻ em trong độ tuổi. Tỷ lệ trẻ khuyết tật theo chức năng cụ thể như sau: 0,84% trẻ thuộc nhóm khuyết tật nghe - nói; 0,15% trẻ thuộc nhóm khuyết tật nhìn; 0,56% trẻ thuộc nhóm khuyết tật vận động; 0,74% trẻ thuộc nhóm khuyết tật nhận thức và 0,78% trẻ thuộc nhóm khuyết tật khác; trẻ khuyết tật tâm thần kinh là loại khuyết tật phổ biến nhất ở trẻ em, chiếm 2,21% tổng số trẻ em cùng độ tuổi. Trẻ khuyết tật nặng chiếm khoảng 31% tổng số trẻ khuyết tật.

Tại Việt Nam, giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật. Giáo dục bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt được thực hiện trong trường hợp chưa đủ điều kiện để người khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập. Theo Báo cáo

Điều tra quốc gia người khuyết tật năm 2016, khoảng 90% trẻ khuyết tật đang học trong các cơ sở giáo dục hòa nhập, 5% học tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt và 5% tham gia học theo phương thức giáo dục bán hòa nhập (lớp chuyên biệt trong trường phổ thông) (xem Bảng 1) [1].

Báo cáo cho thấy, tỉ lệ học sinh khuyết tật đi học càng giảm khi lên các cấp học cao hơn: 88,4% trẻ khuyết tật học cấp Tiểu học, 74% trẻ khuyết tật học cấp Trung học cơ sở, 39,4% trẻ khuyết tật học cấp Trung học phổ thông. Tỷ lệ học sinh khuyết tật đi học đúng độ tuổi thấp hơn nhiều so với tỉ lệ học sinh không khuyết tật. Đáng báo động là sự hạn chế trong cơ hội tiếp cận giáo dục của nhóm trẻ khuyết tật nặng và đặc biệt nặng. Báo cáo giám sát thi hành Luật Giáo dục (2018) chỉ ra rằng: hơn 50% trẻ em có khuyết tật nặng chưa bao giờ được đi học [3].

Nguyên nhân của hiện trạng trên là do số lượng các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập còn hạn chế. Cả nước có 20 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp tỉnh; 20 cơ sở giáo dục chuyên biệt cấp tỉnh công lập, tập

**Bảng 1: Tỷ lệ trẻ em, thanh thiếu niên khuyết tật học hòa nhập ở các cơ sở giáo dục giáo dục phổ thông [2]**

Học sinh phổ thông	Tiểu học		Trung học cơ sở		Trung học phổ thông	
	Đúng độ tuổi (%)	Tổng (%)	Đúng độ tuổi (%)	Tổng (%)	Đúng độ tuổi (%)	Tổng (%)
Tổng học sinh	95,59	99	88,01	93,78	68,01	75,17
Học sinh khuyết tật	81,69	88	67,43	74,68	33,56	39,35
Học sinh không khuyết tật	96,05	100	88,59	94,32	68,65	75,83

trung ở 31 tỉnh/thành phố. Còn 32/63 tỉnh/thành phố chưa có cơ sở giáo dục chuyên biệt hay trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập cấp tỉnh/thành phố [4]. Bên cạnh đó, việc áp dụng cùng Chương trình Giáo dục phổ thông, các bộ sách giáo khoa phổ thông như những học sinh không khuyết tật, trong bối cảnh chưa có tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình dành cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật; chưa có sách/tài liệu học tập dành cho học sinh khuyết tật khiến công tác giáo dục học sinh khuyết tật gặp rất nhiều khó khăn [5].

Trên thế giới, giáo dục người khuyết tật Hàn Quốc được đánh giá là phát triển toàn diện, có sự liên thông phối hợp chặt chẽ của ba phương thức: Hòa nhập, Bán hòa nhập và Chuyên biệt dựa trên quyền của người khuyết tật. Đặc biệt, hệ thống chương trình, học liệu của Hàn Quốc có lịch sử phát triển hơn 50 năm, trải qua 07 giai đoạn thay đổi và cải biên. Vì thế, những kinh nghiệm phát triển chương trình, học liệu dành cho người khuyết tật của Hàn Quốc sẽ là những bài học có giá trị đối với giáo dục người khuyết tật Việt Nam.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Chương trình và học liệu giáo dục dành cho học sinh khuyết tật tại Hàn Quốc

Năm 2022, theo thống kê của Bộ Giáo dục Hàn Quốc có hơn 2,6 triệu người khuyết tật, tương đương với 5% dân số. Trong đó, có 98.000 đáp ứng các yêu cầu/đủ điều kiện nhận dịch vụ “giáo dục đặc biệt” vào năm 2021.

Khoảng 28% học sinh học tại các trường chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật hoặc các lớp “giáo dục đặc biệt” trong trường hòa nhập. Số học sinh còn lại tham gia học hòa nhập cùng các bạn không khuyết tật.

Hàn Quốc áp dụng chương trình giáo dục quốc gia và sách giáo khoa dành riêng cho học sinh khuyết tật trong các trường chuyên biệt. Hiện tại, Hàn Quốc đang sử dụng “Chương trình giáo dục đặc biệt cải biên 2015”. Đặc trưng của Chương trình giáo dục 2015 là vừa tiếp cận tối đa với Chương trình Giáo dục phổ thông Hàn Quốc vừa tính đến các khả năng, nhu cầu của học sinh khuyết tật. Chương trình giáo dục phải phản ánh được nhu cầu học tập cá nhân của học sinh khuyết tật.

Dưới đây là một số điểm cơ bản của “Chương trình Giáo dục đặc biệt cải biên 2015” (xem Bảng 2).

Chương trình giáo dục môn học của Tiểu học, Trung học cơ sở được thể hiện trong Bảng 3.

Theo “Chương trình giáo dục chuyên biệt cải biên 2015” được áp dụng từ năm 2016, sách giáo khoa dùng làm tài liệu dạy và học được phát triển theo tiêu chuẩn quốc gia và được phân bổ về các trường. Hiện tại, ban biên soạn sách giáo khoa - chương trình giáo dục của Viện Giáo dục Đặc biệt Quốc gia Hàn Quốc đã nghiên cứu và phát triển 203 cuốn và 71 thể loại sách giáo khoa dành cho cấp Tiểu học, Trung học phổ thông, Trung học cơ sở (sách giáo khoa 119 cuốn, sách hướng dẫn 87 cuốn, sản phẩm điện tử 71 loại), phân bổ tới học sinh khuyết tật và giáo viên giáo dục đặc biệt.

**Bảng 2: Một số điểm cơ bản của Chương trình Giáo dục đặc biệt cải biên 2015**

<b>Chương trình giáo dục chuyên biệt</b>		
Dựa vào Chương trình Giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục lựa chọn thuộc Chương trình Giáo dục phổ thông. Chương trình giáo dục chuyên biệt là sự kết nối, điều chỉnh dựa vào yêu cầu của học sinh là đối tượng của giáo dục đặc biệt		
<b>Chương trình giáo dục chuyên biệt tổng thể</b>		
<b>Chương trình giáo dục chuyên biệt môn học</b>		
<b>Chương trình giáo dục chuyên biệt chung</b>	<b>Chương trình giáo dục chuyên biệt môn học</b>	<b>Chương trình giáo dục cơ bản</b>
Tái cấu trúc từ Chương trình Giáo dục phổ thông (cấp Tiểu học - Trung học cơ sở).	Chương trình giáo dục nghề (Trung học phổ thông).	Chương trình giáo dục thay thế (Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông).

**Bảng 3: Chương trình giáo dục môn học của Tiểu học và Trung học cơ sở**

Loại hình chương trình giáo dục	Đối tượng học sinh khuyết tật
Chương trình giáo dục chuyên biệt chung	Khuyết tật nhìn - khuyết tật nghe - Khuyết tật vận động
Chương trình giáo dục chuyên biệt môn học	Khuyết tật nhìn - khuyết tật nghe - Khuyết tật vận động và khuyết tật trí tuệ mức độ nhẹ
Chương trình giáo dục cơ bản	Học sinh khuyết tật trí tuệ mức độ nặng, đặc biệt nặng không theo được chương trình giáo dục Tiểu học - Trung học cơ sở

Liên quan đến thể loại sách giáo khoa cho học sinh khuyết tật, hiện nay ở Hàn Quốc có ba loại sách giáo khoa, bao gồm sách thuộc bản quyền quốc gia, sách được kiểm duyệt và sách được công nhận. Điểm khác biệt giữa các loại sách này là mức độ can thiệp nhiều hay ít của Chính phủ.

Đầu tiên, sách chuẩn quốc gia là các loại sách giáo khoa do Bộ Giáo dục nắm quyền tác giả. Thông thường, một phần sách giáo khoa sử dụng ở cấp Tiểu học, ở các trường học phổ thông và các loại sách giáo khoa dùng trong giáo dục đặc biệt được phát triển, xuất bản đều là sách chuẩn quốc gia. Sách chuẩn quốc gia chính là các loại sách giáo khoa do Bộ trưởng Bộ Giáo dục ủy quyền cho cơ quan nghiên cứu hoặc trường đại học nào đó biên soạn, phát triển. Sách giáo khoa giáo dục đặc biệt hiện đang được phát triển theo hình thức do Viện Giáo dục Đặc biệt Quốc gia tổ chức tuyển chọn đơn vị phát triển, sau đó kí hợp đồng ủy quyền cho các trường đại học được chọn và tiến hành biên soạn phát triển sách.

Nhóm thứ hai là sách kiểm duyệt. Đây là hệ thống phát hành sách trong đó sách sẽ do nhà xuất bản tư nhân phát triển. Cơ quan khảo thí được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ủy quyền sẽ quyết định sách đó đạt hay không đạt. Các cơ quan kiểm định này bao gồm Viện Đánh giá Chương trình giảng dạy Hàn Quốc, Quỹ Khoa học và Sáng tạo Hàn Quốc, Viện Nghiên cứu và Phát triển Hàn Quốc. Tổ chức Khoa học và Sáng tạo Hàn Quốc có quyền quyết định đạt hay không đạt đối với sách giáo khoa kiểm định các môn Toán và Khoa học. Viện Phát triển Hàn Quốc là cơ quan thực hiện kiểm định, thẩm định đối với sách giáo khoa các môn liên quan đến Kinh tế. Như vậy, các loại sách trải qua quá trình phát triển bởi nhà xuất bản tư nhân, rồi soát thẩm định bởi các cơ quan được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ủy quyền để đưa ra quyết định nhà xuất bản tư nhân đó có thể phát triển sách giáo khoa hay không, gọi là sách kiểm duyệt.

Nhóm thứ ba là sách chứng nhận. Sách chứng nhận được sử dụng khi chưa có sách chuẩn quốc gia, sách kiểm duyệt; hoặc khi hai loại sách này khó sử dụng hay cần bổ sung. Đây là các loại sách do giám đốc quản lý giáo dục tại các tỉnh, thành do Bộ trưởng Bộ Giáo dục ủy quyền công nhận và cho phép sử dụng.

Xét về tổng thể, hiện nay, Hàn Quốc có 16 môn học theo sách chuẩn quốc gia, 9 môn dùng sách kiểm duyệt. Trong tương lai sẽ thay đổi thành 10 môn dùng sách chuẩn quốc gia và 15 môn dùng sách kiểm duyệt. Như vậy, Hàn Quốc đang cải tiến để sử dụng đồng thời sách kiểm duyệt cho các môn Toán, Xã hội và Khoa học.

## **2.2. Một số định hướng phát triển chương trình và học liệu giáo dục dành cho học sinh khuyết tật Việt Nam**

### **2.2.1. Về quan điểm phát triển chương trình giáo dục**

Nhằm thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững SDG 4, đảm bảo một nền giáo dục hòa nhập, bình đẳng, chất

lượng và cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người, trong đó có người khuyết tật. Vì thế, khi phát triển chương trình giáo dục cho học sinh khuyết tật cần dựa trên các quan điểm sau đây:

*Phù hợp với đặc điểm học sinh khuyết tật:* Phát triển chương trình cần dựa trên các đặc điểm tâm, sinh lí của học sinh khuyết tật độ tuổi từ 6 đến 20. Do học sinh khuyết tật rất đa dạng về năng lực và nhu cầu nên khi phát triển cần tính đến các đặc điểm khác biệt đó. Để làm được điều này, khi phát triển chương trình cần phân nhỏ mục tiêu giáo dục thành nhiều cấp (từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp và từ ít đến nhiều...), xác định rõ nội dung cốt lõi, nội dung cơ bản, nội dung mở rộng và nội dung nâng cao cho từng môn học để thuận lợi cho việc phát triển các chương trình khung đến chương trình khung, chương trình nhà trường, trường trình chi tiết và chương trình cá nhân (kế hoạch giáo dục cá nhân). Ngoài ra, việc phát triển chương trình cần thấm nhuần tư tưởng coi trọng sự trải nghiệm, vận dụng tri thức học đường của học sinh vào thực tiễn cuộc sống, hình thành và phát triển năng lực sống độc lập, khả năng hòa nhập của mọi học sinh khuyết tật.

*Tiếp cận tối đa Chương trình Giáo dục phổ thông 2018:* Phát triển chương trình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật cần xuất phát từ sự tham khảo, điều chỉnh, bổ sung Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Sự bổ sung nêu trên được hiểu là việc thêm; xây dựng một số nội dung; môn học nhằm phát triển các kĩ năng đặc thù dành riêng cho từng loại học sinh khuyết tật. Những nội dung hoặc môn học này chưa được đề cập trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

*Tiếp cận cá nhân hóa:* Chương trình được phát triển giúp giáo viên thực hiện nhiệm vụ cá nhân hóa đáp ứng đúng nhu cầu đặc biệt của từng học sinh khuyết tật. Vì thế, cơ sở giáo dục người khuyết tật cần dựa trên chương trình khung để phát triển chương trình nhà trường. Từ chương trình nhà trường, các giáo viên/nhân viên giáo dục hòa nhập cùng với cha mẹ phát triển chương trình giáo dục cá nhân (IEP) phù hợp với các đặc điểm đặc biệt của từng học sinh khuyết tật.

*Tiếp cận hòa nhập:* Tại Việt Nam, giáo dục hoà nhập là định hướng chủ đạo nhằm đảm bảo cho mọi học sinh khuyết tật có quyền tiếp cận công bằng về cơ hội học tập như các trẻ em khác. Vì thế, phát triển chương trình giáo dục cho học sinh khuyết tật cần góp phần đảm bảo các điều kiện thuận lợi để học sinh khuyết tật có thể linh hoạt chuyển đổi tham gia học tập ở những môi trường giáo dục khác nhau. Trong đó, ưu tiên học sinh học hoà nhập tại trường phổ thông, được tiếp tục học tập, học nghề, sống tự lập và hoà nhập trong cộng đồng.

*Tiếp cận tối đa nguồn lực:* Chất lượng giáo dục chỉ đạt được khi hoạt động giáo dục được triển khai phát huy tối đa nguồn lực và phù hợp với điều kiện thực tiễn của gia đình, nhà trường, xã hội. Vì thế, quá trình phát

triển chương trình cần chú ý bám sát điều kiện thực tiễn và dự báo điều kiện trong tương lai để đưa ra những nội dung phù hợp và thiết thực.

### 2.2.2. Về phát triển chương trình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật

#### a. Biên soạn tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Tài liệu hướng dẫn sử dụng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật nhằm giúp: 1) Cán bộ quản lý phát triển chương trình giáo dục nhà trường; xây dựng kế hoạch; tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá công tác giáo dục học sinh khuyết tật trong từng năm học. 2) Giáo viên/nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập phát triển chương trình giáo dục cho lớp (chuyên biệt) và chương trình giáo dục cá nhân phù hợp với đặc điểm học sinh khuyết tật trong bối cảnh các phương thức giáo dục khác nhau.

Để đảm bảo các mục tiêu nói trên, hướng dẫn sử dụng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật bao gồm nhiều cuốn, trong đó có 01 cuốn hướng dẫn tổng thể về thực hiện chương trình, mỗi môn học có 01 cuốn hướng dẫn chi tiết thực hiện chương trình cho môn học đó. Các tài liệu khi biên soạn cần đảm bảo tính nhất quán trong quan điểm tiếp cận, hướng dẫn chi tiết cách điều chỉnh mục tiêu; xác định nội dung cốt lõi; lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp và đánh giá kết quả giáo dục học sinh khuyết tật. Đặc biệt, trong tài liệu cần hướng dẫn được cách tích hợp nội dung dạy học đặc thù (sử dụng chữ nổi, sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, quản lí hành vi...) cùng với nội dung dạy học phổ thông trong các tiết học hoặc hoạt động giáo dục. Các phương pháp dạy học đặc thù dành riêng cho học sinh khuyết tật cũng cần được hướng dẫn một cách chi tiết thông qua những ví dụ cụ thể.

#### b. Phát triển chương trình nội dung giáo dục kĩ năng đặc thù phù hợp với từng loại học sinh khuyết tật

Nội dung giáo dục kĩ năng đặc thù không có trong chương trình giáo dục mầm non và phổ thông, dành riêng cho học sinh khuyết tật. Nội dung giáo dục kĩ năng đặc thù bao gồm những kĩ năng cần thiết để học sinh phát huy điểm mạnh, khắc phục những suy giảm chức năng do khuyết tật gây ra, giúp các em thuận lợi hơn trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và hòa nhập cộng đồng. Dựa trên đặc điểm của học sinh khuyết tật sau đây là một số môn học đặc thù (tối thiểu) cần được xây dựng:

- Môn Định hướng di chuyển dành cho học sinh khuyết tật nhìn (mù).
- Môn Phát triển giao tiếp dành cho học sinh khuyết tật nghe – nói (điếc).
- Môn Giáo dục kĩ năng sống dành cho tất cả học sinh khuyết tật.

#### c. Phát triển chương trình giáo dục chức năng dành cho học sinh khuyết tật trí tuệ nặng, đặc biệt nặng (đơn tật

hoặc đa tật) học tập tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt

Học sinh khuyết tật trí tuệ nặng và đặc biệt nặng có hai đặc điểm nổi bật là khả năng nhận thức, kĩ năng sống rất hạn chế. Nếu không được dạy, hướng dẫn phù hợp, khoa học thì học sinh không thể tự phục vụ bản thân và giao tiếp với người khác. Bên cạnh đó, nhiều học sinh ngoài khuyết tật trí tuệ còn kèm các khuyết tật khác khiến việc tiếp thu và học tập gặp nhiều khó khăn.

Học sinh khuyết tật trí tuệ nặng và đặc biệt nặng có quyền được học tập bình đẳng, chất lượng như mọi trẻ em. Do đó, chương trình giáo dục cho các em cần được xây dựng đủ 12 năm học (từ lớp 1 đến lớp 12). Chương trình tập trung hình thành, phát triển kĩ năng sống cần thiết; trang bị những kiến thức sơ giản, cơ bản nhất của các môn học trong chương trình giáo dục mầm non và phổ thông để học sinh có khả năng tự phục vụ, giao tiếp ở mức đơn giản hướng tới cuộc sống độc lập, hoà nhập cộng đồng. Để đạt được mục tiêu nêu trên, chương trình giáo dục chức năng tập trung vào ba nhóm môn học là: Giáo dục kĩ năng sống; Học đường chức năng; Giáo dục thể chất và nghệ thuật. Kĩ năng sống cần dạy học sinh, bao gồm: Kĩ năng tự phục vụ; kĩ năng giao tiếp; kĩ năng xã hội; kĩ năng sử dụng tiện ích trong môi trường gia đình, nhà trường và cộng đồng; kĩ năng vui chơi, giải trí; kĩ năng an toàn; kĩ năng tự quyết. Nội dung phân học đường chức năng, gồm: Toán chức năng; Tiếng Việt chức năng; Khoa học ứng dụng. Các nội dung Toán và Tiếng Việt, Khoa học đều được khai thác dưới bình diện ứng dụng trực tiếp vào cuộc sống, giúp trẻ giải quyết được các tình huống đơn giản, gần gũi mà trẻ phải đối mặt hằng ngày. Nội dung giáo dục thể chất và nghệ thuật bao gồm các nội dung về âm nhạc, mỹ thuật và vận động được tích hợp trong cùng một bài dạy.

### 2.2.3. Về học liệu giáo dục (sách giáo khoa, tài liệu học tập, tài liệu hướng dẫn giáo viên)

Khoản 3, Điều 27 Luật Người khuyết tật nêu rõ: “Người khuyết tật được cung cấp phương tiện, tài liệu hỗ trợ học tập dành riêng trong trường hợp cần thiết; người khuyết tật nghe, nói được học bằng ngôn ngữ kí hiệu; người khuyết tật nhìn được học bằng chữ nổi Braille theo chuẩn quốc gia” [6]. Để chương trình giáo dục học sinh khuyết tật được thực hiện hiệu quả, bên cạnh sách giáo khoa phổ thông, học sinh khuyết tật sẽ được sử dụng thêm các học liệu sau đây:

#### a. Học liệu dành cho học sinh khuyết tật

Sách giáo khoa chữ nổi và sách nói cho học sinh khuyết tật nhìn (chuyển đổi bộ sách giáo khoa phổ thông sang chữ nổi và sách nói);

Sách giáo khoa điện tử có bổ sung video thể hiện bằng ngôn ngữ kí hiệu cho học sinh khuyết tật nghe;

Sách giáo khoa theo chương trình giáo dục dành cho trẻ khuyết tật trí tuệ nặng, đặc biệt nặng;



Sách giáo khoa các môn học đặc thù dành cho học sinh khuyết tật;

b. *Tài liệu học tập bổ trợ dành cho học sinh khuyết tật*

Sách giáo khoa của chương trình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật trí tuệ nặng, đặc biệt nặng;

Bộ đồ dùng học tập của học sinh khuyết tật các môn học.

c. *Học liệu dành cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục*

Bộ đồ dùng dạy học dành cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật;

Tài liệu hướng dẫn thực hiện chương giáo dục phổ thông cho học sinh khuyết tật;

Tài liệu hướng dẫn sử dụng phương pháp và cách đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật;

Tài liệu hướng dẫn dạy học các môn học đặc thù dành cho học sinh khuyết tật.

Tài liệu dạy học cần được đa dạng hóa. Ngoài hình thức tài liệu in truyền thống, cần biên soạn thêm các tài

liệu hướng dẫn tự học, sản xuất các học liệu điện tử đưa lên mạng Internet để giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục tự khai thác, tự học, học từ xa,... Như vậy, họ sẽ được tạo điều kiện thuận lợi để học tập thường xuyên, liên tục và suốt đời góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục học sinh khuyết tật.

### 3. Kết luận

Phát triển chương trình, học liệu giáo dục dành cho học sinh khuyết tật là một nội dung quan trọng nhằm đảm bảo quyền được giáo dục hòa nhập, bình đẳng, chất lượng của mọi trẻ khuyết tật. Đây là nội dung còn khá mới ở Việt Nam và đòi hỏi sự đầu tư về tài chính và nguồn nhân lực. Vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chỉ đạo trực tiếp cùng sự vào cuộc của các chuyên gia phát triển chương trình, học liệu giáo dục phổ thông, giáo dục đặc biệt và những cơ sở giáo dục người khuyết tật trong thời gian tới.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Tổng cục Thống kê, (2019), *Báo cáo Điều tra quốc gia về người khuyết tật 2016*, NXB Tổng cục Thống kê.
- [2] Tổng cục Thống kê, (2019), *Tổng Điều tra quốc gia về người khuyết tật Việt Nam 2016*, NXB Tổng cục Thống kê.
- [3] Quốc hội, (2018), *Báo cáo giám sát thi hành Luật giáo dục của Ủy ban Văn hóa Giáo dục Thanh Thiếu niên Nhi đồng*.
- [4] Lê Văn Tạc, (2022), *Nghiên cứu luận cứ khoa học về sắp xếp các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật*, Nhiệm vụ cấp Bộ B2020 -VKG- 01NV.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT Chương trình Giáo dục phổ thông*.
- [6] Quốc hội, (2010), *Luật Người khuyết tật*.
- [7] Bộ Bài giảng của các chuyên gia Giáo dục đặc biệt Hàn Quốc thuộc “Dự án nâng cao năng lực giáo dục đặc biệt cho Trung tâm giáo dục đặc biệt Quốc gia”, (2021), Dự án hợp tác công tư Chương trình hợp tác xã hội dân sự do KOICA tài trợ.
- [8] Bộ Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc, (2015), *Chương trình cơ bản và Sách giáo khoa từ lớp 1 đến lớp 12 (tiếng Hàn) dành cho học sinh khuyết tật*. Seoul: Gyo wyuk win jeok ja wueon bu.
- [9] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022), *Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*.

## LESSONS FROM KOREA AND SOME ORIENTATIONS FOR DEVELOPING EDUCATIONAL PROGRAMS AND MATERIALS FOR PUPILS WITH DISABILITIES IN VIETNAM

Le Thi Tam\*<sup>1</sup>, Nguyen Thi Kim Hoa<sup>2</sup>

\* Corresponding Author

<sup>1</sup> Email: letamht@gmail.com

<sup>2</sup> Email: hoantk@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute for Educational Sciences  
62 Phan Đình Giót street, Thanh Xuan district,  
Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *Implementing sustainable development goal 4 (SDG4) in the 2030 Global Sustainable Development Agenda: Ensuring inclusive, equitable, quality education and lifelong learning opportunities for all, including children with disabilities, is a challenging target in the current context. Ensuring appropriate and complete educational programs and materials is a crucial condition contributing to the successful implementation of this goal. The article shows lessons from Korean special education and some directions for developing educational programs and materials for pupils with disabilities in Vietnam.*

**KEYWORDS:** Orientation, educational program development, educational materials, pupils with disabilities, Vietnam.